

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 4 - 2021

*"Tranh chấp chia tài sản
sau ly hôn".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thạch Hùng

Các thẩm phán: Ông Ngô Sỹ Tiến

Ông Nguyễn Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, về việc *"Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 241/2020/HNGĐ-ST ngày 17/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐ-PT ngày 14/4/2021. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: xã N, huyện N, Nghệ An.

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021 giữa bên ủy quyền bà Nguyễn Thị V, bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị H.

2 Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phạm Văn D, sinh năm 1987. Vắng mặt

- Phạm Văn T, sinh năm 1995. Vắng mặt

- Cao Thị Ngọc Th, sinh năm 1991. Vắng mặt

Có cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Phạm Thị Th, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: xóm xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Phạm Thị Lsinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: xóm xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Phạm Thị Th, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm , xã Hn, huyện Hn, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện ủy quyền cho chị Cao Thị Ngọc Th: Ông Phạm Văn T

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2021). Ông T có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người được nguyên đơn ủy quyền bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V là vợ chồng, đã giải quyết ly hôn không giải quyết về tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của hai bên, tại Quyết định thuận tình ly hôn số 158/2019/QĐST-NHGD ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc. Sau ly hôn bà V và ông T không tự phân chia được tài sản, bà V làm đơn xin được chia tài sản sau khi ly hôn. Tài sản chung của ông T, bà V gồm có:

1. Thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 có diện tích 2035m² gồm 400m² đất ở, 1635 m² đất vườn tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 mang tên Phạm Văn T và Nguyễn Thị V.

2. Hai ngôi nhà mái thái, các công trình phụ tọa lạc trên phía hai bên mảnh đất.

Về phần cây cối, nhà kho, chuồng bò cũ,...hư hỏng bà không yêu cầu giải quyết.

Về hai ngôi nhà: Ngôi nhà phía bên trái nhìn từ ngoài cổng vào (nhà A1) hiện ông T đang ở. Ngôi nhà phía bên phải nhìn từ phía ngoài cổng vào (nhà A2) hiện đang cho con trai là Phạm Văn D và con dâu là Cao Thị Ngọc Th ở;

Về con chung: Bà V ông T có 05 người con chung là: Phạm Văn D, sinh năm 1987; Phạm Thị Th, sinh năm 1991; Phạm Thị L, sinh năm 1992; Phạm Thị Th, sinh năm 1994; Phạm Văn T, sinh năm 1995;

Trong quá trình xây dựng, tôn tạo...toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng bà, các con còn nhỏ, chỉ có ăn học... không có một sự đóng góp công sức, của cải gì.

Trong đơn khởi kiện, bà có nguyện vọng đề nghị Tòa án chia đôi tài sản bằng hiện vật; Cụ thể: bản thân bà Nguyễn Thị V xin được hưởng một phần hai thửa đất có gắn liền với một ngôi nhà. Theo nguyện vọng của bà là được hưởng phần nhà đất A1, nhường cho ông T phần nhà đất A2. Trường hợp ông T không

đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhưng tại bản tự khai cuối cùng và trong phiên họp, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì người đại diện theo ủy quyền của bà V thay đổi nội dung yêu cầu, theo chiều hướng có lợi cho ông T và anh D, chị Thom. Cụ thể, phía bà V vẫn khẳng định toàn bộ diện tích thửa đất, hai ngôi nhà, các công trình phụ đều do hai vợ chồng tạo lập nên. Tuy nhiên, nay xét hoàn cảnh của ông T: thường xuyên đau ốm, không có thu nhập ổn định và bản thân đang điều trị bệnh gan nặng; Con chung là Phạm Văn D có vợ và con nhỏ đã sinh sống trong nhà do vợ chồng bà làm ra đã lâu, có phần nào công sức gìn giữ, tôn tạo và bảo quản tài sản. Mặt khác, ông T cũng như cháu D khai nại là vợ chồng đã cho cháu phần đất và ngôi nhà A2. Tuy nội dung này không đúng vì bà chưa bao giờ cho nhưng nay bà đề nghị Tòa án cho cháu D phần đất gắn với ngôi nhà A2, cả ngôi nhà và công trình phụ gắn với ngôi nhà là cũng hợp với nguyện vọng cần chỗ ở của vợ chồng cháu, phù hợp với nguyện vọng trong bản khai của ông T, cháu D. Bà đề nghị Tòa án xem xét, cắt chia cho bà toàn bộ phần đất trống giữa hai nhà để bà sử dụng; Chia cho ông T quyền sử dụng phần đất gắn liền ngôi nhà ông đang ở là nhà A1; Bà không yêu cầu trích chia chênh lệch trị giá tài sản giữa bà và ông T sau khi phân chia. Phần tài sản khác trên đất (như cây cối, công trình xây dựng, giếng nước không có giá trị ở trên đất ai thì người đó được hưởng). Về diện tích cụ thể bà đề nghị Tòa án xem xét, quyết định.

Bị đơn, ông Phạm Văn T trình bày: Quá trình ly hôn, hai vợ chồng thống nhất tự phân chia tài sản nhưng không thành. Nay bà V yêu cầu Tòa án chia tài sản vợ chồng, ông có ý kiến như sau: vợ chồng có khối tài sản là thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 có diện tích 2035m² tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 mang tên Phạm Văn T và Nguyễn Thị V và 02 ngôi nhà mái thái cùng các công trình phụ xây dựng hai bên thửa đất. Hiện ông đang sinh sống trên ngôi nhà phía bên trái thửa đất (A1); con trai ông là Phạm Văn D cùng vợ là Cao Thị Ngọc Th đang sống trong ngôi nhà phía bên phải (A2). Ông khẳng định, vợ chồng đã cho con trai, con dâu là D và Thom một phần diện tích đất 700m² cùng ngôi nhà mà các cháu đang ở; Phần thửa đất còn lại là có ngôi nhà A1 là của vợ chồng; Ngôi nhà này khi xây dựng cũng đều có sự đóng góp của các con; Ông đề nghị chia tài sản chung là phần nửa đất bên trái có diện tích 1.335m² và căn nhà này nhưng phải tính đến sự đóng góp công sức đó.

Anh Phạm Văn D trình bày: Bố mẹ đã cho vợ chồng anh một phần khoảng 700m² trong thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 có diện tích 2.035m² tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và ngôi nhà vợ chồng anh đang ở. Tuy nhiên từ trước tới nay, vợ chồng anh chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ với phần nhà đất được cho này. Đặc biệt, anh và vợ có sửa chữa, tôn tạo, làm thêm một số tài sản trong ngôi nhà anh đang ở nên anh không đồng ý việc bà V yêu cầu Tòa án phân chia toàn bộ khối tài sản như bà V đã trình bày. Anh nhất trí như lời khai của bố là ông Phạm Văn T và đề nghị Tòa án xét xử như ông T trình bày.

Lời khai nhận của các người con: Phạm Thị Th; Phạm Thị L; Phạm Thị Th; Phạm Văn T đều khẳng định tài sản của bố mẹ họ là hai ngôi nhà, diện tích đất

đúng như lời khai của mẹ là bà Nguyễn Thị V; Họ xác nhận không có sự mua bán, tặng cho ai nhà và diện tích đất trên và bản thân họ cũng không có công sức, của cải gì đóng góp trong khối tài sản đó.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ thể:

01 - Thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2035m²(trong đó có 57m² đất lưu không) gồm có 400m² đất ở và 1635m² đất vườn. Có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa ONT 259: 34,9m; giáp thửa ONT 317: 1,87m = 36,77m; Phía Đông giáp thửa ONT 317: 2,79m; giáp thửa ONT 357: 27,40m và 21,44m = 51,63m; Phía Nam giáp thửa ONT 356: 36,70m; phía Tây giáp đường: 27,41m + 2,53m + 28,30m = 58,24m. Trị giá đất ở: 300.000 đ/m² = 120.000.000 đồng; Trị giá đất vườn: 174.000 đồng/m² = 284.490.000 đồng. Tổng trị giá đất: 404.490.000 đồng.

02 - Ngôi nhà phía trái thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A1): 129.260.000 đồng.

03 - Công trình phụ gắn với nhà số A1: 46.646.000 đồng.

04 - Cửa cổng nhà số A1: 200.000 đồng.

05 - Ngôi nhà phía bên phải thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A2): 184.564.000 đồng.

06 - Mái tôn gắn với nhà số A2: 19.200.000 đồng.

07 - Nhà bếp gắn với nhà số A2: 30.886.000 đồng.

08 - Sân trước nhà số A2: 1.964.000 đồng.

09 - Công trình phụ, nhà vệ sinh của nhà số A2: 6.294.000 đồng.

10 - Nhà công trình phụ của nhà A2: 8.910.000 đồng.

11 - Cổng, trụ cổng nhà số A2: 815.000 đồng + 1.798.000 đồng

12 - Hàng rào tapslo ba mặt trước và hai bên thửa đất: 1.327.000 đồng.

Ngoài ra, các tài sản khác như Cây cối, chuồng bò, giếng khơi...do đương sự không yêu cầu và các tài sản đã hết khấu hao sử dụng nên Hội đồng định giá không xem xét, định giá.

Tổng trị giá tài sản trên đất là: 431.864.000 đồng.

Tổng trị giá đất và toàn bộ tài sản là: 836.354.000 đồng

- Bản án sơ thẩm số 241/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 33; điều 59 luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ Công nhận tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V gồm có: Thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² gồm có 400m² đất ở và 1635m² đất vườn. Ngôi nhà phía trái thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A1). Công trình phụ gắn với nhà số A1. Cửa cổng nhà số A1. Ngôi nhà phía bên phải thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A2). Mái tôn gắn với nhà số A2. Nhà bếp gắn với nhà số A2. Sân trước nhà số A2. Công trình phụ, nhà vệ sinh của nhà số A2. Nhà công trình phụ của nhà A2. Cổng, trụ cổng nhà số A2. Hàng rào tấp lô. Tổng trị giá là: 836.354.000 đồng (tám trăm, ba mươi sáu triệu, ba trăm, năm mươi tư triệu đồng)

Phân chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T như sau:

+ Ghi nhận việc tự nguyện của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V cắt chia cho anh Phạm Văn D, chị Cao Thị Ngọc Th quyền sử dụng 628m² đất thuộc thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² mang tên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V (gồm 133m² đất ở, 495m² đất vườn) trị giá 126.030.000 (một trăm, hai mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa cắt chia cho bà Nguyễn Thị V: 37,23m; Phía Đông giáp thửa ONT 357: 17m; Phía Nam giáp thửa ONT 356: 36,70m; Tây giáp đường: 16,97m.

Giao cho anh Phạm Văn D và chị Cao Thị Ngọc Th được quyền sở hữu các tài sản:

+ Ngôi nhà phía bên phải thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A2) trị giá 184.564.000 đồng.

+ Mái tôn gắn với nhà số A2 trị giá 19.200.000 đồng.

+ Nhà bếp gắn với nhà số A2 trị giá 30.886.000 đồng.

+ Sân trước nhà số A2 trị giá 1.964.000 đồng.

+ Công trình phụ, nhà vệ sinh của nhà số A2 trị giá 6.294.000 đồng.

+ Nhà công trình phụ của nhà A2 trị giá 8.910.000 đồng.

+ Cổng, trụ cổng nhà số A2 trị giá 815.000 đồng + 1.798.000 đồng

+ Phần hàng rào tấp lô còn lại trị giá 442.400 đồng.

Tổng trị giá cả nhà và đất là: 380.903.400 đồng (ba trăm tám mươi triệu, chín trăm linh ba nghìn, bốn trăm đồng)

- Phân chia phần diện tích đất, tài sản còn lại của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V như sau:

+ Giao cho ông Phạm Văn T quyền sử dụng 589m² đất (gồm 133m² đất ở; 456m² đất vườn) thuộc thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² mang tên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V trị giá 119.244.000 đồng có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa ONT 259: 34,9m; giáp thửa ONT 317: 1,87m = 36,77m; Phía Đông giáp thửa ONT 317: 2,79m; giáp thửa ONT 357: 11,29m = 14,08m; Phía Nam giáp thửa cắt chia cho bà Nguyễn Thị V: 37,25m; Tây giáp đường: 18,09m.

- Giao cho ông Phạm Văn T được quyền sở hữu các tài sản:

+ Ngôi nhà phía trái thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A1) trị giá 129.260.000 đồng.

+ Công trình phụ gắn với nhà số A1 trị giá 46.646.000 đồng.

+ Cửa cổng nhà số A1 trị giá 200.000 đồng.

Và phần hàng rào gắn liền trên phần đất này dài trị giá 442.300 đồng.

Tổng trị giá toàn bộ tài sản là 295.792.300 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị V được quyền sử dụng 818m² đất thuộc thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² mang tên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V (gồm 134m² đất ở, 684m² đất vườn) trị giá 159.216.000 đồng có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa cắt chia cho ông Phạm Văn T: 37,25m; Phía Đông giáp thửa ONT 357: 10,40m + 10,15m = 20,55m; Phía Nam giáp thửa cắt cho anh Phạm Văn D, Cao Thị Ngọc Th: 37,23m; Tây giáp đường: 10,44m + 2,53m + 10,21m = 23,18m và phần hàng rào tấp lô gắn liền trên đất này trị giá 442.300đ. Tổng trị giá toàn bộ tài sản là 159.658.300 đồng (một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm đồng)

(Có sơ đồ chia đất ban hành kèm theo bản án.)

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu trích chia chênh lệch trị giá tài sản được hưởng giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Văn T, anh Phạm Văn D và chị Cao Thị Ngọc Th có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất được giao.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 20 tháng 10 năm 2020 ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung: không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, Ông Phạm Văn T yêu cầu tài sản chung giải quyết như sau: Phần tài sản của bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T đã cho con trai anh Phạm Văn D 700m² đất, tài sản trên đất là do anh D xây dựng nên. Còn lại 1.335m² đất và nhà chia đều cho 6 người gồm ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V, các con: Phạm Thị Th, Phạm Thị L, Phạm Thị Th, Phạm Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phạm Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

+ Phần tranh luận: Ông Phạm Văn T đưa ra ý kiến đòi phần tài sản ông T được chia giao lại cho bà V, phần ông T nhận đất của bà V, nhưng bà V phải giao cho ông T 150.000.000đ. Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn không chấp nhận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Th trình bày toàn bộ khối tài sản chung của ông T, bà V không có công sức đóng góp của các con và không yêu cầu chia tài sản, nếu được chia cũng từ chối nhận tài sản.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn, bị đơn và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm ông Phạm Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo. Xét việc ông Phạm Văn T yêu cầu cho con trai anh Phạm Văn D 700m² đất, tài sản trên đất là do anh D xây dựng nên, nội dung này đã được Tòa án sơ thẩm quyết định. Tài sản còn lại là quyền sử dụng đất 1.335m² và tài sản trên đất chia đều cho 6 người ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V, các con: Phạm Thị Th, Phạm Thị L, Phạm Thị Th, Phạm Văn T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T làm trong hạn luật định, nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định, nên hợp pháp, được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Kháng cáo của ông Phạm Văn T yêu cầu tài sản chung trên cơ sở phần tài sản chung của bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T đã cho con trai anh Phạm Văn D 700m² đất, tài sản trên đất là do anh D xây dựng nên. Còn lại 1.335m² đất và nhà chia cho 6 người gồm: bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Văn T, anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Th, chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị Th.

Căn cứ Quyết định thuận tình ly hôn số 158/2019/QĐST-NHGD ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, thì ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V đã ly hôn, thời điểm ly hôn không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Về con chung: Có 05 người con chung là: Phạm Văn D, sinh năm 1987; Phạm Thị Th, sinh năm 1991; Phạm Thị Lệ, sinh năm 1992; Phạm Thị Th, sinh năm 1994; Phạm Văn T, sinh năm 1995, đều đã trưởng thành, đã có gia đình. Bà

Nguyễn Thị V làm đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn là yêu cầu chính đáng đã được Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc giải quyết.

- Xác định tài sản chung: Quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2019 đối với ông Phạm Văn T; Bản tự khai ngày 25/12/2019 của anh Phạm Văn D; Biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2019 đối với bà Nguyễn Thị V, lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H (Đại diện ủy quyền của bà V) thì các bên thỏa thuận được tài sản chung, không có tranh chấp về tài sản chung.

Như vậy xác định tài sản chung của ông T, bà V yêu cầu phân chia đã được thẩm định, định giá tài thời điểm xét xử sơ thẩm như sau:

+ Về quyền sử dụng đất: Thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m^2 gồm có 400m^2 đất ở và 1.635m^2 đất vườn. Giá trị quyền sử dụng đất là: 404.490.000 đồng (bốn trăm linh bốn triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

+ Tài sản trên đất: Gồm có ngôi nhà phía trái thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A1): 129.260.000 đồng; Công trình phụ gắn với nhà số A1: 46.646.000 đồng; Cửa cổng nhà số A1: 200.000 đồng; Ngôi nhà phía bên phải thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A2): 184.564.000 đồng; Mái tôn gắn với nhà số A2: 19.200.000 đồng; Nhà bếp gắn với nhà số A2: 30.886.000 đồng; Sân trước nhà số A2: 1.964.000 đồng; Công trình phụ, nhà vệ sinh của nhà số A2: 6.294.000 đồng; Nhà công trình phụ của nhà A2: 8.910.000 đồng; Cổng, trụ cổng nhà số A2: 815.000 đồng + 1.798.000 đồng; Hàng rào tấp lô ba mặt trước và hai bên thửa đất: 1.327.000 đồng. Giá trị tài sản trên đất là: 431.864.000 đồng (bốn trăm ba mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)

Tổng giá trị tài sản chung để phân chia là: 836.354.000 đồng (*Tám trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng*)

- Về công sức đóng góp: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H (Đại diện ủy quyền của bà V) trình bày các bên có công sức đóng góp ngang nhau. Tại phiên tòa có mặt chị Phạm Thị Th trình bày cũng như các bản khai của chị Phạm Thị Lệ; Phạm Thị Th; Phạm Văn T đều khẳng định tài sản chung của bố mẹ họ hiện nay chưa có việc mua bán, tặng cho ai nhà và diện tích đất trên và bản thân họ cũng không có công sức, của cải gì đóng góp trong khối tài sản đó.

Đối với anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, chị Cao Thị Ngọc Th ủy quyền cho ông Phạm Văn T, nhưng căn cứ bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông T, bà V và anh D, thì các bên đã thỏa thuận như sau: Bà V và ông T thỏa thuận cho anh D một phần đất có diện tích khoảng 700m^2 trong thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 có diện tích 2.035m^2 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và ngôi nhà vợ chồng anh đang ở. Tuy nhiên từ trước tới nay, vợ

chồng anh chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ với phần nhà đất được cho này. Anh D và vợ (chị Cao Thị Ngọc Th) đã bỏ chi phí sửa chữa, tôn tạo, làm thêm một số tài sản trong ngôi nhà anh D đang ở.

Như vậy, xác định khối tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V gồm quyền sử dụng đất có giá trị đất là: 404.490.000 đồng, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T và bà V. Tài sản trên đất có giá trị là: 431.864.000 đồng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông T và bà V, trong đó có công sức đóng góp của vợ chồng anh D và chị Thơm

- Nghĩa vụ chung: Các bên thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ chung.

- Về phân chia tài sản chung: Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chia tài sản chung gồm quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của ông T, bà V cho gia đình anh (trong đó ngôi nhà có công sức đóng góp của vợ chồng anh D). Gia đình anh D được nhận giá trị tài sản là: 380.903.400 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bà V, anh D, chị Thơm và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo về việc phân chia tài sản cho gia đình anh D. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T nhất trí việc chia đất và nhà cho anh D.

Số tài sản chung còn lại được Tòa án sơ thẩm phân chia cho ông Phạm Văn T gồm quyền sử dụng đất, tài sản trên đất có giá trị là 295.792.300 đồng; Phần bà Nguyễn Thị V được nhận quyền sử dụng đất có giá trị là: 159.658.300 đồng. Các bên không yêu cầu thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản, là hoàn toàn đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông Phạm Văn T.

Quá trình xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T, chị Phạm Thị Th, chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị Th không yêu cầu chia tài sản cho mình, sau xét xử sơ thẩm không kháng cáo. Quyết định bản án sơ thẩm sơ thẩm số 241/2020/HNGĐ.ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã đảm bảo quyền lợi của các đương sự, do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T về việc kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu chia tài sản chung thành 6 phần mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: - Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp kháng cáo của ông Phạm Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 241/2020/HNGĐ.ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

[1] Căn cứ vào Điều 33; điều 59 luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1.1. Công nhận tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V gồm có: Thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² gồm có 400m² đất ở và 1635m² đất vườn; Ngôi nhà phía trái thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A1); Công trình phụ gắn với nhà số A1; Cửa cổng nhà số A1; Ngôi nhà phía bên phải thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A2); Mái tôn gắn với nhà số A2; Nhà bếp gắn với nhà số A2; Sân trước nhà số A2; Công trình phụ, nhà vệ sinh của nhà số A2; Nhà công trình phụ của nhà A2; Cổng, trụ cổng nhà số A2; Hàng rào tấp lô. Tổng trị giá là: 836.354.000 (tám trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

1.2. Phân chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn T như sau:

- Ghi nhận việc tự nguyện của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V cắt chia cho anh Phạm Văn D, chị Cao Thị Ngọc Th quyền sử dụng 628m² đất thuộc thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² mang tên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V (gồm 133m² đất ở, 495m² đất vườn) trị giá 126.030.000 (một trăm hai mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn) đồng, có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa cắt chia cho bà Nguyễn Thị V: 37,23m; Phía Đông giáp thửa ONT 357: 17m; Phía Nam giáp thửa ONT 356: 36,70m; Tây giáp đường: 16,97m.

- Giao cho anh Phạm Văn D và chị Cao Thị Ngọc Th được quyền sở hữu các tài sản: Ngôi nhà phía bên phải thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A2) trị giá 184.564.000 đồng; Mái tôn gắn với nhà số A2 trị giá 19.200.000 đồng; Nhà bếp gắn với nhà số A2 trị giá 30.886.000 đồng; Sân trước nhà số A2 trị giá 1.964.000 đồng; Công trình phụ, nhà vệ sinh của nhà số A2 trị giá 6.294.000 đồng; Nhà công trình phụ của nhà A2 trị giá 8.910.000 đồng; Cổng, trụ cổng nhà số A2 trị giá 815.000 đồng + 1.798.000 đồng; Phần hàng rào tấp lô còn lại trị giá 442.400 đồng. Tổng trị giá cả nhà và đất là: 380.903.400 đồng (ba trăm tám mươi triệu, chín trăm linh ba nghìn, bốn trăm đồng)

1.3. Phân chia phần diện tích đất, tài sản còn lại của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V như sau:

- Giao cho ông Phạm Văn T quyền sử dụng 589m² đất (gồm 133m² đất ở; 456m² đất vườn) thuộc thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² mang tên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V trị giá 119.244.000 đồng có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa ONT 259: 34,9m; giáp thửa ONT 317: 1,87m = 36,77m;

Phía Đông giáp thửa ONT 317: 2,79m; giáp thửa ONT 357: 11,29m = 14,08m; Phía Nam giáp thửa cắt chia cho bà Nguyễn Thị V: 37,25m; Tây giáp đường: 18,09m và quyền sở hữu các tài sản gồm: Ngôi nhà phía trái thửa đất nhìn từ phía cổng vào (nhà số A1) trị giá 129.260.000 đồng; Công trình phụ gắn với nhà số A1 trị giá 46.646.000 đồng; Cửa cổng nhà số A1 trị giá 200.000 đồng và phần hàng rào gắn liền trên phần đất này dài trị giá 442.300 đồng. Tổng trị giá toàn bộ tài sản là 295.792.300 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị V được quyền sử dụng 818m² đất thuộc thửa đất 316, tờ bản đồ số 18 tại xóm , xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 259179 ngày 30/7/2009 có diện tích 2.035m² mang tên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị V (gồm 134m² đất ở, 684m² đất vườn) trị giá 159.216.000 đồng có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa cắt chia cho ông Phạm Văn T: 37,25m; Phía Đông giáp thửa ONT 357: 10,40m + 10,15m = 20,55m; Phía Nam giáp thửa cắt cho anh Phạm Văn D, Cao Thị Ngọc Th: 37,23m; Tây giáp đường: 10,44m + 2,53m + 10,21m = 23,18m và phần hàng rào tấp lô gắn liền trên đất này trị giá 442.300đ. Tổng trị giá toàn bộ tài sản là 159.658.300 đồng (một trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm đồng)

(Có sơ đồ chia đất ban hành kèm theo bản án.)

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu trích chia chênh lệch trị giá tài sản được hưởng giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Văn T, anh Phạm Văn D và chị Cao Thị Ngọc Th có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất được giao.

2. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 7.982.000 đồng (bảy triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.978.000 đồng (bốn triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0005827 ngày 12/12/2019. Bà Nguyễn Thị V còn phải nộp tiếp 3.004.000 (ba triệu, không trăm linh bốn nghìn) đồng

Ông Phạm Văn T phải chịu 14.789.000 (mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn) đồng án phí chia tài sản;

Anh Phạm Văn D và chị Cao Thị Ngọc Th phải chịu 19.045.000 (mười chín triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí chia tài sản.

- Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Văn T phải chịu 300.0000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0005013 ngày 23/10/2020.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND H.Nghi Lộc
- THADS H.Nghi Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa gia đình.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thạch Hùng